

SỰ TƯƠNG QUAN CÁC YẾU TỐ TRÊN KHUÔN MẶT CỦA NGƯỜI KHMER TRONG ĐỘ TUỔI 16-24 TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG DÂN TỘC NỘI TRÚ THUỘC TỈNH TRÀ VINH

Đoàn Dương Chí Thiện*, Lê Phi Nhạn**, Tạ Văn Trâm*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Hình thái học khuôn mặt đã được áp dụng rất nhiều trong thực hành lâm sàng, đặc biệt trong phẫu thuật chỉnh hình sau chấn thương, điều trị các dị tật bẩm sinh, phẫu thuật thẩm mỹ... **Mục tiêu:** Xác định sự tương quan của một số kích thước trên khuôn mặt của người Khmer trong độ tuổi từ 16-24 tại các Trường Dân tộc nội trú trong tỉnh Trà Vinh và Trường Đại học Trà Vinh. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 400 người dân tộc Khmer tuổi từ 16 - 24, có ông bà nội và ông bà ngoại là người dân tộc Khmer từ 11/2017 đến 9/2018, xác định các số đo bằng các quan sát và đo đạt trực tiếp. **Kết quả:** Tương quan và hồi quy chiều cao mặt trên với chiều dài mặt $r = 0,547$. Chiều cao mặt trên = $2,818 + \text{Chiều dài mặt} \times 0,271$ ($p < 0,001$). Tương quan và hồi quy chiều cao mặt giữa với chiều dài mặt $r = 0,623$. Chiều cao mặt giữa = $- 0,340 + \text{Chiều dài mặt} \times 0,272$ ($p < 0,001$). Tương quan và hồi quy chiều cao mặt dưới với chiều dài mặt $r = 0,534$. Chiều cao mặt dưới = $0,316 + \text{Chiều dài mặt} \times 0,334$ ($p < 0,001$). Tương quan và hồi quy chiều rộng mũi với chiều rộng mặt trên $r = 0,553$. Chiều rộng mũi = $1,784 + \text{Chiều rộng mặt trên} \times 0,169$ ($p < 0,001$). Tương quan và hồi quy chiều rộng mặt trên với chiều rộng mặt dưới $r = 0,651$. Chiều rộng mặt trên = $4,598 + \text{chiều rộng mặt dưới} \times 0,715$. Chiều rộng mặt trên = $4,598 + \text{chiều rộng mặt dưới} \times 0,715$ ($p < 0,001$). **Kết luận:** Có sự tương quan thuận mức độ vừa một số kích thước trên khuôn mặt của người Khmer trong độ tuổi từ 16-24 tại các Trường Dân tộc nội trú trong tỉnh Trà Vinh và Trường Đại học Trà Vinh.

Từ khoá: Tương quan khuôn mặt, người Khmer, Trà Vinh.

SUMMARY

THE CORRELATION OF FACIAL FACTORS IN THE 16-24 YEAR-OLD KHMER AT THE ETHNIC MINORITY BOARDING SCHOOLS IN TRA VINH PROVINCE

Background: Facial morphology has been applied a lot in clinical practice, especially in orthopedic surgery after trauma, treatment of birth defects, plastic surgery... **Objective:** To determine the correlation of some face sizes of Khmer people aged 16-24 at Ethnic Minority Boarding Schools in Tra Vinh

*Trường Đại học Trà Vinh,

**Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang

Chịu trách nhiệm chính: Đoàn Dương Chí Thiện

Email: doanduongchithien@tvu.edu.vn

Ngày nhận bài: 16.3.2022

Ngày phản biên khoa học: 28.4.2022

Ngày duyệt bài: 11.5.2022

Province and Tra Vinh University. **Methods:** A cross-sectional descriptive study was carried out on 400 Khmer ethnic people aged 16-24, whose paternal grandparents and maternal grandparents were Khmer from 11/2017 to 9/2018, measured by observations and direct measurements. **Results:** Correlation and regression of upper face height with face length $r = 0.547$. Upper face height = $2.818 + \text{Face length} \times 0.271$ ($p < 0.001$). Correlation and regression of middle face height with face length $r = 0.623$. Middle face height = $- 0.340 + \text{Face length} \times 0.272$ ($p < 0.001$). Correlation and regression of lower face height with face length $r = 0.534$. Lower face height = $0.316 + \text{Side length} \times 0.334$ ($p < 0.001$). Correlation and regression of nose width with upper face width $r = 0.553$. Nose width = $1.784 + \text{Upper face width} \times 0.169$ ($p < 0.001$). Correlation and regression of upper face width with lower face width $r = 0.651$. Top face width = $4,598 + \text{bottom face width} \times 0.715$. Top face width = $4,598 + \text{bottom face width} \times 0.715$ ($p < 0.001$). **Conclusion:** There is a moderate positive correlation between some face sizes of Khmer people aged 16-24 at Ethnic Minority Boarding Schools in Tra Vinh province and Tra Vinh University.

Keywords: Face correlation, Khmer people, Tra Vinh.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã hội càng văn minh, vẻ đẹp càng được đánh giá như một tiêu chuẩn quan trọng của con người. Hiện nay hình thái học khuôn mặt đã được áp dụng rất nhiều trong thực hành lâm sàng, đặc biệt trong các phẫu thuật chỉnh hình sau chấn thương, điều trị các dị tật bẩm sinh, phẫu thuật thẩm mỹ... Bác sĩ phẫu thuật có thể dựa vào các dữ liệu về hình thái học khuôn mặt theo từng chủng tộc, giới tính đã được nghiên cứu để làm tiêu chuẩn cho sự chỉnh hình. Trong đời sống, hình thái học khuôn mặt cũng góp phần tối ưu trong việc sản xuất các công cụ, phương tiện phục vụ cho con người như khẩu trang, mũ bảo hiểm, mặt nạ oxy... Ngoài ra, hình thái học khuôn mặt còn được ứng dụng vào nhiều lĩnh vực khác như thẩm mỹ, nghệ thuật, tiêu chuẩn đánh giá sắc đẹp... Nhiều nghiên cứu hình thái học được tiến hành, xã hội càng phát triển nhu cầu nghiên cứu các chỉ số hình thái học càng tăng cao.

Trà Vinh là một tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, với đặc thù là tỉnh có đông đồng bào dân tộc người Khmer sinh sống. Tính đến năm 2013, tỉnh Trà Vinh có tổng số dân trên một triệu dân, trong đó người dân tộc Khmer

chiếm 31,6% dân số cả tỉnh và chiếm 25,2% tổng số người dân tộc Khmer tại Việt Nam. Ngay từ trước thế kỷ XVII, người Khmer và văn hóa của họ đã giữ vai trò chủ thể ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, với những nét đặc thù riêng về văn hóa, xã hội, kinh tế và những đặc thù nhân chủng học riêng so với các dân tộc khác của Việt Nam. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có một nghiên cứu nào về đặc điểm hình thái khuôn mặt được làm trên người dân tộc Khmer Việt Nam.

Mục tiêu nghiên cứu. *Xác định sự tương quan một số kích thước trên khuôn mặt của người Khmer trong độ tuổi từ 16-24 tại các Trường Dân tộc nội trú trong tỉnh Trà Vinh và Trường Đại học Trà Vinh.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu. Người Khmer trong độ tuổi từ 16-24 tại các Trường Dân tộc nội trú trong tỉnh Trà Vinh và Trường Đại học Trà Vinh, từ 11/2017 đến 9/2018.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Những người dân tộc Khmer có ông bà nội và ông bà ngoại là người dân tộc Khmer tuổi từ 16-24. Những người

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Hệ số tương quan trên khuôn mặt người Khmer

Bảng 1. Một số yếu tố tương quan và hệ số tương quan khuôn mặt người Khmer

Chiều cao mặt toàn bộ	Chiều dài mũi	$r = 0,464$
Chiều cao mặt toàn bộ	Chiều rộng mặt trên	$r = 0,526$
Chiều cao mặt toàn bộ	Chiều rộng mặt dưới	$r = 0,307$
Chiều cao mặt toàn bộ	Chiều cao mặt trên	$r = 0,547$
Chiều cao mặt toàn bộ	Chiều cao mặt giữa	$r = 0,623$
Chiều cao mặt toàn bộ	Chiều cao mặt dưới	$r = 0,534$
Chiều cao mặt trên	Chiều cao mặt giữa	$r = 0,154$
Chiều cao mặt trên	Chiều cao mặt dưới	$r = 0,100$
Chiều cao mặt giữa	Chiều cao mặt dưới	$r = 0,359$
Chiều rộng mặt trên	Chiều rộng mặt trái	$r = 0,540$
Chiều rộng mặt trên	Chiều rộng mặt phải	$r = 0,577$
Chiều rộng mặt trên	Chiều rộng mũi	$r = 0,553$
Chiều dài mũi	Chiều cao mũi	$r = 0,190$
Chiều rộng mặt trên	Chiều rộng mặt dưới	$r = 0,651$

3.2. Tương quan một số kích thước trên khuôn mặt của người Khmer

Hồi quy chiều cao mặt trên với chiều dài mặt: Chiều cao mặt trên = $2,818 + \text{Chiều dài mặt} \times 0,271$ ($p < 0,001$)

Chiều cao mặt trên và chiều dài mặt có sự tương quan thuận, chiều dài mặt càng tăng, chiều cao mặt trên càng tăng. Sự tương quan này ở mức độ khá chặt chẽ với $r = 0,526$.

Hồi quy chiều cao mặt giữa với chiều dài mặt: Chiều cao mặt giữa = $-0,340 + \text{Chiều dài mặt} \times 0,272$ ($p < 0,001$)

đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Những người từng có tiền sử bỏng, chấn thương, can thiệp phẫu thuật hoặc dị tật bẩm sinh ở vùng mặt.

Phương pháp nghiên cứu:

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu: Dựa theo công thức tính cỡ mẫu

$$n = \frac{Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \cdot p(1-p)}{d^2}$$

p : tỷ lệ ước tính = 0,457 (Nguyễn Duy Thịnh [2], Phan Ngọc Toàn [3] tỉ lệ dạng mặt lưu hành cho ra số cỡ mẫu lớn nhất là dạng mặt vuông với 45,7%).

d : độ chính xác tuyệt đối mong muốn, ta lấy $d = 0,05$ (5%).

Z : tương ứng với mức ý nghĩa thống kê mong muốn $Z = 1,96$.

Áp dụng công thức trên tính cỡ mẫu: $n = 382$. Thực tế nghiên cứu chọn cỡ mẫu $n = 400$.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện.

Xử lý và phân tích số liệu: Phần mềm SPSS 18.0.

Chiều cao mặt giữa và chiều dài mặt có sự tương quan thuận, chiều dài mặt càng tăng, chiều cao mặt giữa càng tăng. Sự tương quan này ở mức độ khá chặt chẽ với $r = 0,623$.

Hồi quy chiều cao mặt dưới với chiều dài mặt: Chiều cao mặt dưới = $0,316 + \text{Chiều dài mặt} \times 0,334$ ($p < 0,001$)

Chiều cao mặt dưới và chiều dài mặt có sự tương quan thuận, chiều dài mặt càng tăng, chiều cao mặt dưới càng tăng. Sự tương quan này ở mức độ khá chặt chẽ với $r = 0,534$.

Hồi quy chiều rộng mũi với chiều rộng

mặt trên: Chiều rộng mũi = 1,784 + rộng mặt trên x 0,169 ($p < 0,001$)

Chiều rộng mũi và chiều rộng mặt trên có sự tương quan thuận, chiều rộng mặt trên càng tăng, chiều rộng mũi càng tăng. Sự tương quan này ở mức độ khá chặt chẽ với $r = 0,543$.

Hồi quy chiều rộng mặt trên với chiều rộng mặt dưới: Chiều rộng mặt trên = 4,598 + chiều rộng mặt dưới x 0,715 ($p < 0,001$)

Chiều rộng mặt trên và chiều rộng mặt dưới có sự tương quan thuận, chiều rộng mặt dưới càng tăng, chiều rộng mặt trên càng tăng. Sự tương quan này ở mức độ khá chặt chẽ với $r = 0,654$.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu được thực hiện trên 400 người dân tộc Khmer thuần chủng kết quả cho thấy đa số các chỉ số khuôn mặt có sự tương đồng với người Việt theo kết quả nghiên cứu của tác giả Phan Ngọc Toàn cũng như người dân tộc Ê đê theo kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Duy Thịnh. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những nét đặc trưng của người dân tộc Khmer. Nghiên cứu này được thực hiện trên người Khmer thuần chủng, kết quả nghiên cứu góp phần tạo nên các dữ liệu hình thái khuôn mặt của người dân tộc Khmer.

Bảng 2. So sánh yếu tố tương quan và hệ số tương quan khuôn mặt người Khmer

Yếu tố tương quan		Nguyễn Duy Thịnh [2]	Nghiên cứu này
Chiều cao mặt toàn bộ	Chiều dài mũi	$r = 0,333$	$r = 0,464$
Chiều cao mặt toàn bộ	Chiều rộng mặt trên	$r = 0,313$	$r = 0,526$
Chiều cao mặt toàn bộ	Chiều rộng mặt dưới	-	$r = 0,307$
Chiều cao mặt toàn bộ	Chiều cao mặt trên	$r = 0,836$	$r = 0,547$
Chiều cao mặt toàn bộ	Chiều cao mặt giữa	$r = 0,865$	$r = 0,623$
Chiều cao mặt toàn bộ	Chiều cao mặt dưới	$r = 0,732$	$r = 0,534$
Chiều cao mặt trên	Chiều cao mặt giữa	$r = 0,371$	$r = 0,154$
Chiều cao mặt trên	Chiều cao mặt dưới	$r = 0,389$	$r = 0,100$
Chiều cao mặt giữa	Chiều cao mặt dưới	$r = 0,489$	$r = 0,359$
Chiều rộng mặt trên	Chiều rộng mắt trái	$r = 0,470$	$r = 0,540$
Chiều rộng mặt trên	Chiều rộng mắt phải	$r = 0,470$	$r = 0,577$
Chiều rộng mặt trên	Chiều rộng mũi	$r = 0,351$	$r = 0,553$
Chiều dài mũi	Chiều cao mũi	$r = 0,216$	$r = 0,190$
Chiều rộng mặt trên	Chiều rộng mặt dưới	$r = 0,771$	$r = 0,651$

Qua phân tích kết quả để thấy được các hệ số tương quan, chúng tôi nhận thấy chiều cao của ba tầng mặt có tương quan khá chặt với chiều dài mặt. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Duy Thịnh [2]. Bên cạnh đó chúng tôi cũng ghi nhận chiều rộng của mắt và chiều rộng của mũi cũng có sự tương quan khá chặt với chiều rộng mặt trên, tuy nhiên theo kết quả của Nguyễn Duy Thịnh các yếu tố này chỉ thể hiện sự tương quan ở mức vừa. Về chiều rộng của mặt chúng tôi ghi nhận sự tương quan khá chặt giữa độ rộng của mặt trên và độ rộng của mặt dưới, kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Duy Thịnh [2].

Tác giả Von Eiksledt phân dạng mặt ra thành 10 dạng mặt (dẫn theo nghiên cứu của Phan Ngọc Toàn [3]) theo cách phân loại này sẽ nhận dạng được các dạng mặt trung gian giữa 4 dạng mặt cơ bản. Tuy nhiên chúng tôi thống nhất theo quan điểm của Mac Grawall, Phan Ngọc Toàn và Nguyễn Duy Thịnh việc sử dụng 4 dạng mặt cơ bản đã có thể khái quát tổng thể các dạng mặt của con người.

Trong nghiên cứu của chúng tôi thực hiện trên

người Khmer dạng mặt chiếm tỉ lệ cao nhất là dạng mặt vuông (42,8%) kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Phan Ngọc Toàn (45,7%) thực hiện chung trên người Việt Nam. Trong nghiên cứu của Nguyễn Duy Thịnh thực hiện trên người Ê đê thì dạng mặt có tỉ lệ cao nhất là dạng mặt bầu dục (34,4%). Dạng mặt chiếm tỉ lệ thấp nhất trong nghiên cứu của chúng tôi là dạng mặt tròn (5%) kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Phan Ngọc Toàn (2,3%). Trong nghiên cứu của Nguyễn Duy Thịnh tỉ lệ mặt tròn vẫn thấp nhất trong số các dạng mặt nhưng tỉ lệ này có phần cao hơn (16,7%).

Theo phân loại của P. Huard và Đỗ Xuân Hợp có 12 dạng mặt cơ bản, tuy nhiên chỉ đưa ra hình dạng chứ không mô tả cụ thể. Chúng tôi thống nhất với cách phân loại Phan Ngọc Toàn và Nguyễn Duy Thịnh, dựa vào các nếp của mí mắt chia mắt thành 5 dạng cơ bản.

Trong nghiên cứu của chúng tôi trên người Khmer, dạng mặt có tỉ lệ cao nhất là dạng mặt có nếp ngang và nếp quạt (29,8%) kết quả cho thấy có sự tương đồng với kết quả nghiên cứu của Phan Ngọc Toàn. Ở nghiên cứu của Phan

Ngọc Toàn thực hiện chung trên người Việt Nam dạng mắt có nếp ngang và nếp quạt cũng chiếm tỉ lệ cao nhất nhưng có phần cao hơn (54,8%). Trong nghiên cứu của Nguyễn Duy Thịnh trên người Ê đê thì dạng mắt có tỉ lệ cao nhất lại là dạng mắt có nếp ngang đơn thuần (59,1%), dạng mắt có nếp ngang và nếp quạt lại có tỉ lệ tương đối thấp (11,3%).

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng nhận thấy dạng mắt có tỉ lệ thấp nhất là dạng mắt mông cổ (8,3%) kết quả này tương đồng với kết quả của Nguyễn Duy Thịnh (7%) và Phan Ngọc Toàn (9,7%), Tuy nhiên ở nghiên cứu của Phan Ngọc Toàn dạng mắt có tỉ lệ thấp nhất là dạng mắt có nếp ngang và nếp dưới (7%), dạng mắt này chiếm tỉ lệ khá cao trong nghiên cứu của chúng tôi (25,8%) và trong nghiên cứu của Nguyễn Duy Thịnh (14,5%).

Theo Legent và Perlemuter [1] (Trích theo Nguyễn Đình Bảng) dạng mũi được chia thành 9 dạng. Theo nghiên cứu Trần Thị Anh Tú [4] ghi nhận dạng mũi ở người Việt Nam có 6 dạng chính: mũi thẳng (53,5%), mũi lõm (39,25%), mũi gồ (5,25%), mũi gãy (2%), mũi hếch (17%), mũi khoằm (1,5%).

Tuy nhiên, chúng tôi đồng ý với cách phân loại của Phan Ngọc Toàn [3] và gần đây nhất là Nguyễn Duy Thịnh [2] ghi nhận với 4 dạng mũi chính có thể khái quát được các dạng mũi ở người Việt Nam: dạng mũi thẳng (tương ứng với dạng mũi thẳng và mũi khoằm của Trần Thị Anh Tú), mũi tet (tương ứng với dạng mũi lõm và mũi gồ của Trần Thị Anh Tú), dạng mũi hếch, dạng mũi có ụ mũi (tương ứng với dạng mũi gồ của Trần Thị Anh Tú)

Về dạng mũi kết quả của chúng tôi có tỉ lệ tương đồng với các tác giả khác. Dạng mũi chiếm tỉ lệ cao nhất là dạng mũi thẳng, hai dạng mũi có tỉ lệ thấp là dạng mũi hếch và dạng mũi có ụ mũi.

Khi so sánh kết quả đo đạc được với kết quả đề tài của Leslie G. Farkas và Phan Ngọc Toàn chúng tôi nhận thấy các chỉ số khuôn mặt của người Khmer tương tự giống như trên người Việt. Tầng trán có kích thước chiều cao lớn nhất chiếm 41%, sau đó là đến tầng miệng chiếm 35%, tầng mũi có kích thước nhỏ nhất chiếm 24%.

Theo kết quả của Nguyễn Duy Thịnh ở sự phân bố 3 tầng mặt của người Ê đê thì chúng tôi cũng có kết quả tương đồng. Tuy nhiên ở chiều sâu khuôn mặt chúng tôi nhận thấy ở cả 3 tầng mặt: sâu mặt trên, sâu mặt giữa và sâu mặt dưới các kích thước của người Khmer đều thấp hơn so với người Ê đê.

Về kích thước độ rộng của mắt, chúng tôi nhận thấy kết quả có sự tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Duy Thịnh thực hiện trên người Ê đê, tuy nhiên lại lớn hơn so với nghiên cứu của Leslie G. Farkas [5] và Phan Ngọc Toàn [3] thực hiện trên người Việt Nam.

Về độ rộng gian khóe mắt, chúng tôi nhận thấy người Khmer có độ rộng gian khóe mắt nhỏ, kết quả ghi nhận độ rộng mắt là $3,43 \pm 0,37$ và độ rộng gian khóe mắt là $3,29 \pm 0,32$. Người Khmer có kích thước độ rộng gian khóe mắt nhỏ hơn so với độ rộng của mắt, điều này tương đồng với người Ê đê trong nghiên cứu của Nguyễn Duy Thịnh. Tuy nhiên lại không tương đồng với nghiên cứu của Leslie G. Farkas [5], Phan Ngọc Toàn [3] và Peter M. Prendergast vì Theo Peter M. Prendergast [6] nghiên cứu trên người châu Á và người da trắng thì người châu Á thường có độ rộng mắt nhỏ hơn độ rộng gian khóe mắt còn người da trắng thì ngược lại.

Trong nghiên cứu của chúng tôi kết quả ghi nhận bề rộng mũi là $3,91 \pm 0,37$ kết quả này tương tự như nghiên cứu của Leslie G. Farkas [5], Phan Ngọc Toàn [3], Trần Thị Anh Tú [4] thực hiện trên người Việt Nam và Nguyễn Duy Thịnh thực hiện trên người Ê đê.

Kích thước độ dài sống mũi là $3,89 \pm 0,40$ kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Phan Ngọc Toàn [3], Trần Thị Anh Tú [4]. Kết quả này có phần lớn hơn so với kết quả của Nguyễn Duy Thịnh [2].

Kích thước độ cao của mũi là $1,63 \pm 0,21$, góc mũi môi là $95,07 \pm 8,15$ tương đồng với kết quả của Phan Ngọc Toàn [3] nhưng có phần cao hơn so với kết quả của Nguyễn Duy Thịnh [2].

Về các kích thước của miệng, chúng tôi ghi ở người Khmer trung bình chiều rộng của miệng là $4,82 \pm 0,57$, khoảng cách từ chân trụ tới gian môi là $2,10 \pm 0,29$, khoảng cách từ gian môi đến ụ cằm là $3,52 \pm 0,70$. Những kết quả này đều tương đồng với các nghiên cứu của Leslie G. Farkas [5], Phan Ngọc Toàn [3] và Nguyễn Duy Thịnh [2].

Chúng tôi nhận thấy ở nghiên cứu của Phan Ngọc Toàn [3] trên người Việt và của Nguyễn Duy Thịnh trên người Ê đê thì độ rộng của mắt nhỏ hơn khoảng cách gian khóe mắt trong, ở nghiên cứu của chúng tôi trên người Khmer thì sự phân bố độ rộng của mắt và khoảng cách gian khóe mắt trong gần bằng nhau.

Về các tỉ lệ của môi chúng tôi nhận thấy tỉ lệ trụ mũi- gian môi/chiều cao mặt dưới là 0,33 kết quả này tương đồng với kết quả của Phan Ngọc Toàn [3] nghiên cứu trên người Việt (0,32), và kết quả của Nguyễn Duy Thịnh trên người Ê đê

(0,32). Theo Prendergast P. M.[6] thì tỉ lệ này nên vào khoảng 1/3. Như vậy tỉ lệ trụ mũi- gian môi/chiều cao mặt dưới ở người Khmer là phù hợp tuy nhiên tương đối cao hơn so với người Việt và người Ê đê. Ngược lại tỉ lệ gian môi- u cằm/ chiều cao mặt dưới ở người Khmer lại thấp hơn so với người Việt.

Chúng tôi cũng ghi nhận chỉ số mũi 1 và chỉ số mũi 2 lần lượt là 1,02 và 0,85 các chỉ số này tương đồng với kết quả của Trần Thị Anh Tú [4] và Phan Ngọc Toàn [3] nghiên cứu trên người Việt nhưng lại thấp hơn kết quả của Nguyễn Duy Thịnh [2] thực hiện trên người Ê đê. Kết quả này cho thấy mũi của người Khmer tương đồng với mũi của người Việt, nhưng có sự khác biệt với người Ê đê.

V. KẾT LUẬN

Tương quan chiều cao mặt trên với chiều dài mặt $r = 0,547$.

Tương quan chiều cao mặt giữa với chiều dài mặt $r = 0,623$.

Tương quan chiều cao mặt dưới với chiều dài

mặt $r = 0,534$.

Tương quan chiều rộng mũi với chiều rộng mặt trên $r = 0,553$.

Tương quan chiều rộng mặt trên với chiều rộng mặt dưới $r = 0,651$.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Bảng (1993), "Tập tranh giải phẫu tai mũi họng", Bộ môn Tai Mũi Họng trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, tập III, tr. 2-10.
2. Nguyễn Duy Thịnh (2015), "Nghiên cứu đặc điểm hình thái khuôn mặt của người Ê Đê tại một số trường cao đẳng và đại học Tây Nguyên", Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.
3. Phan Ngọc Toàn (1999), "Góp phần nghiên cứu đặc điểm hình thái khuôn mặt người Việt Nam trưởng thành", Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.
4. Trần Thị Anh Tú (2003), "Hình thái cấu trúc tháp mũi người trưởng thành", Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.
5. Farkas L. G., et al (2005), "International anthropometric study of facial morphology in various ethnic groups/races", J Craniofac Surg, 16(4), pp. 615-661.
6. Prendergast P. M. (2012), "Advanced Surgical Facial Rejuvenation", Springer-Verlag Berlin Heidelberg, Ireland, pp. 15-25.

ĐẶC ĐIỂM CÁC XÉT NGHIỆM PROTEIN HUYẾT THANH CỦA BỆNH NHÂN VẢY NẾN TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2021

Phạm Văn Hùng*, Đoàn Hữu Thiện*, Trần Hồng Trâm*

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định nồng độ CRP, albumin, globulin huyết thanh ở bệnh nhân vảy nến và mối liên quan với mức độ bệnh tại bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2021 Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang; Chọn mẫu thuận tiện các đối tượng phù hợp tiêu chuẩn trong thời gian nghiên cứu. Có 74 đối tượng nhóm nghiên cứu và 74 đối tượng nhóm chứng. **Kết quả:** Nồng độ CRP, tỷ lệ CRP/albumin huyết thanh của nhóm nghiên cứu cao hơn so với nhóm đối chứng, với $p < 0,001$. Nồng độ albumin huyết thanh của nhóm nghiên cứu giảm hơn nhóm đối chứng với $p < 0,001$. Còn nồng độ globulin huyết thanh sự thay đổi không có ý nghĩa thống kê giữa 2 nhóm. Giữa tỉ số CAR huyết thanh với mức độ bệnh là liên quan thuận với nhau. Không tìm thấy mối liên quan giữa nồng độ Globulin huyết thanh với mức độ bệnh. **Kết luận:** Ở bệnh vảy nến, nồng độ CRP, tỷ lệ CRP/ albumin huyết thanh tăng cao so với nhóm đối chứng và có liên quan thuận với mức độ bệnh. Không có sự thay

đổi nồng độ globulin ở bệnh nhân. Nồng độ CRP huyết thanh có thể được khuyến cáo sử dụng như một phương tiện hỗ trợ trong việc đánh giá độ nặng của bệnh vảy nến mảng ở bệnh nhân VN.

Từ khóa: nồng độ CRP, tỷ lệ CRP/Albumin huyết thanh, nồng độ albumin, nồng độ globulin, bệnh vảy nến

SUMMARY

CHARACTERISTICS OF THE SERALE PROTEIN TESTS OF PSORIASIS PATIENT AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY HOSPITAL IN 2021

Objectives: Determine serum CRP, albumin, and globulin levels in psoriasis patients and their relationship with disease severity at Hanoi Medical University hospital in 2021. **Method:** Cross-sectional description; Convenient sampling of subjects that met the criteria during the study period. There were 74 subjects in the research group and 74 subjects in the control group. **Result:** CRP concentration, serum CRP/albumin ratio of the study group was higher than that of the control group, with $p < 0.001$. Serum albumin concentration of the study group decreased more than the control group with $p < 0.001$. There was no statistically significant change in serum globulin levels between the 2 groups. There is a positive correlation between serum CAR ratio and disease severity. Relationship was not found between serum globulin levels and disease severity. **Conclusion:** In

*Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế
 Chịu trách nhiệm chính: Phạm Văn Hùng
 Email: hungnicvb@gmail.com
 Ngày nhận bài: 16.3.2022
 Ngày phản biện khoa học: 27.4.2022
 Ngày duyệt bài: 12.5.2022